

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HSST
Ngày: 05/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Truyen – Hội chữ Thập đỏ huyện Tháp Mười.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang – Hội Liên hiệp phụ nữ xã Mỹ Hòa huyện Tháp Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Hải – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Trường G (Tên gọi khác: K), sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1951 (đã chết) và bà Đoàn Thị B – sinh năm 1956; Vợ Lưu Thị Ái N và 02 người con, con lớn sinh năm 2013 con nhỏ sinh năm 2014; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 tiền án (Tại bản án số 129/2015/HSST ngày 29/9/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử phạt Nguyễn Trường G 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2019, đã thi hành xong phần án phí hình sự, dân

sự); Nhân thân: Ngày 17/7/2020 bị Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tháp M ra quyết định số 185/QĐ-UBND về việc giao cho khu xã hội thuộc cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian làm thủ tục đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Bắt tạm giam ngày 20/8/2020 đến ngày 16/11/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh.

** Bị hại:*

- Nguyễn Văn C, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Lê Thị D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Công Q, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

** Người làm chứng:*

- Nguyễn Nhật T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

- Đinh Hữu T2, sinh ngày 04/9/2004.

Người giám hộ: Ông Đinh Văn T3, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/7/2005.

Người giám hộ: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

- Nguyễn Trọng Phúc H, sinh ngày 11/4/2007.

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, Đồng Tháp.

- Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 01/8/2004.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người giám hộ của Phúc H và Hoàng M: Ông Ngô Văn C – Bí thư Xã Đoàn xã P huyện T.

(Bị cáo G có mặt tại phiên tòa; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và người giám hộ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 21/5/2020 bị cáo Nguyễn Trường G và bị can Nguyễn Văn H2 uống rượu tại nhà một người quen ở xã T, huyện T. Đến khoảng 21 giờ, G điều khiển xe mô tô chở H2 về nhà H2 ở khóm 1, thị trấn M. Trên đường đi, H nói nhà anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 ở khóm 4, thị trấn M có 3 chiếc xe mô tô nhưng nhà khóa cửa ngoài, không có người trông giữ. H rủ G đi trộm xe thì G đồng ý. G chở H2 đến nhà T3 ở khu dân cư ấp M, xã P để tìm cây kim sử dụng vào việc cắt ổ khóa. Lúc này T3 đi vắng, có Đinh Hữu T2, sinh ngày 04/9/2004, Nguyễn Trọng Phúc H (tên thường gọi K2) sinh ngày 11/4/2007, Nguyễn Hoàng M sinh ngày 01/8/2004, Phan Thành Đ sinh ngày 06/10/2003 đang ngồi chơi. G tìm ở nhà T3 không thấy cây kim nên kêu T2 chở H2 đến khu vực để vật dụng thi công bờ kè gần nhà G để tìm. Sau khi tìm thấy kim, T2 quay lại nhà T3 nói cho G biết. G điều khiển xe đón H2 rồi cả hai cùng đi lấy trộm xe. Trên đường đi, do không đủ người điều khiển 3 chiếc xe định lấy trộm nên G và H2 quay lại nhà T3. G nói dối mới mua 03 chiếc xe mô tô, nhờ T2, H, M, Đ đi theo đem xe về dùm thì cả 4 người đồng ý. Sau đó, G điều khiển xe chở H2 và H, Đ điều khiển xe chở T2 và M. Khi đi đến cầu gần Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười, thuộc khóm 4, thị trấn M, cách nơi lấy trộm xe khoảng 100m thì cả nhóm dừng xe. G kêu T2 và Đ chạy xe về trước, còn lại G, H2, M, H đi bộ đến nhà anh C, lúc này khoảng 1 giờ ngày 22/5/2020. Khi còn cách nhà anh C khoảng 20m thì G kêu M và H đứng đợi, còn G và H2 đi đến nhà anh C. G và H2 sử dụng cây kim đem theo trong người cắt khoen khóa cửa trước đi vào nhà dặt 03 chiếc xe mô tô loại xe Wave biển số 63X3-8933, xe gắn máy hiệu Hoder biển số 66FD-4040, xe mô tô loại Sirius biển số 66M1-179.91 được để trong phòng khách đến chỗ M và H đứng đợi. G, H2 bứt dây điện của 03 chiếc xe thì có 02 chiếc xe khởi động được, riêng chiếc xe Sirius không khởi động. H2 điều khiển xe Hoder, G điều khiển xe Wave chở H ngồi sau kè xe Sirius do M điều khiển về cầu BOT xã P. G giấu xe sirius tại bãi đất trống phía sau nhà T. Sau đó G và H2 đem 02 chiếc xe còn lại giấu tại ngôi nhà hoang

không rõ địa chỉ ở xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi giấu xe, G điện thoại nhờ M và H đến đón rồi chở H2 về nhà ở khóm 1, thị trấn M. G lấy xe sirius đi đến nhà trọ ở xã M2, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngủ cùng bạn gái tên Nguyễn Thị Cẩm T4.

Lần hai vào khoảng 18 giờ ngày 14/7/2020, Nguyễn Trường G điều khiển xe mô tô hiệu Sirius chở Nguyễn Trung N đi ngang qua quán nhậu của bà Nguyễn Thị N2 ở ấp H, xã T, huyện T. Nhân thấy có xe mô tô biển số 66M1-408.20 của anh Nguyễn Công Q đang đậu trước cửa nhà, trên xe có sẵn chìa khóa xe nên N nói cho G biết. Khi nghe N nói thì G không nói gì mà tiếp tục điều khiển xe chạy đi đến chợ T. G ghé vào một tiệm tạp hóa mua hai khẩu trang rồi đưa cho N một cái và nói mày bị bệnh, cậu không có tiền lo cho mày, giờ đi lấy chiếc xe bán lấy tiền đưa mày đi chữa bệnh thì Nhân đồng ý. G điều khiển xe đi đến cách nhà bà N2 khoảng 30 thì dừng lại. N đi bộ vào lấy xe 66M1-408.20, còn G ngồi trên xe đợi. Sau khi lấy trộm xe, N và G mỗi người chạy một chiếc hướng về C, Tiền Giang. Sau đó G kêu N điều khiển xe của G đi về, còn G điều khiển xe mới lấy trộm chạy đi.

Kết luận định giá số 51/KLĐG ngày 10/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Xe mô tô loại xe Wave biển số 63X3-8933 trị giá 450.000 đồng; Xe gắn máy hiệu Hoder biển số 66FD-4040 trị giá 2.250.000 đồng; Xe mô tô loại Sirius biển số 66M1-179.91 trị giá 6.600.000 đồng. Tổng giá trị 3 chiếc xe là 9.300.000 đồng.

Kết luận định giá số 33/KLĐG ngày 29/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận xe mô tô loại Vision biển số 66M1-408.20 trị giá 18.000.000 đồng.

Về vật chứng, đã thu giữ: 01 xe mô tô loại Vision biển số 66M1-408.20, xét thấy không cần thiết tạm giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Bích P.

Tại Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và khẳng định, việc truy tố trên là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở phân tích, tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, r và s khoản 1 Điều 51, điểm g, h và o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên huyện Tháp Mười trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bị cáo Nguyễn Trường G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng đã truy tố, thể hiện: Ngày 21/5/2020 bị cáo G cùng với Nguyễn Văn H2 đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 03 xe mô tô và gắn máy tại nhà anh Nguyễn Văn C ở khóm 4, thị trấn M, huyện T. Đến ngày 14/7/2020 bị cáo G tiếp tục cùng với Nguyễn Trung N lén lút lấy trộm xe mô tô tại nhà của anh Nguyễn Công Q ở ấp H, xã T, huyện T. Tổng giá trị xe bị cáo đã lấy trộm là 27.300.000 đồng. Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác. Khi thực hiện hành vi trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì mục đích thỏa mãn cơn nghiện và chơi game, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Trường G phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật”.

[2.2] Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội thể hiện bị cáo xem thường pháp luật. Và loại tội phạm xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản đang có chiều hướng gia tăng. Do đó, việc cách ly bị cáo một thời gian nhất định là cần thiết để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt. Đồng thời góp phần răn đe, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Trong vụ án còn có các đối tượng Nguyễn Văn H2, Nguyễn Trung N, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Trọng Phúc H cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo. Tuy nhiên, vụ án thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức phân công từ trước. Trong đó, Nguyễn Văn H2 có vai trò là chủ mưu, bị cáo Nguyễn Trường G là người thực hành trong vụ án và có hành vi xúi giục M, H và N cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người đã thành niên, có gia đình, đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền G xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” đến nay chưa được xóa án tích; Đáng lý ra, bị cáo phải biết chí thú làm ăn

tạo ra của cải vật chất lo cho bản thân, gia đình và giúp ích cho xã hội, trở thành người công dân tốt. Nhưng ngược lại, để có tiền thỏa mãn cơn nghiện và chơi game, bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội và 02 lần lấy trộm tài sản của người khác. Song song đó, bị cáo còn xúi giục người dưới 18 tuổi cùng phạm tội; Từ những lý do vừa nêu, xét thấy cần áp dụng tình tiết “tái phạm”, “*Phạm tội nhiều lần*” và “*xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” để tăng nặng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với điểm h, g và o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo đã tự thú, đồng thời trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại nên cần áp dụng quy định tại điểm b, r và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] Đối với bị can H2 hiện đã bỏ trốn, đang bị truy nã, khi Cơ quan Điều tra bắt được sẽ xử lý sau; Đối với N, M và H khi thực hiện hành vi phạm tội thì N mới 15 tuổi 13 ngày, M mới 15 tuổi 9 tháng 20 ngày, H mới 13 tuổi 1 tháng 10 ngày. Cả ba chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự. Đối với T2 và Đ có đi chung với G, H2, M, H nhưng chưa đến hiện trường thì về trước, G khai nhờ T2, Đ đi lấy xe của G mới mua về giùm G. T2, Đ không biết G lấy trộm tài sản nên không đủ cơ sở xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[4] Đối với Nguyễn Thị Cẩm T4, G khai T4 không biết xe do G trộm cắp mà có nên mới đi cầm xe giùm G. Cơ quan điều tra không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của T4, không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với T4.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; b, r, s khoản 1 Điều 51 và điểm h, g, o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường G 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giam từ 20/8/2020 đến ngày 16/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Trường G phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Sở Tư Pháp Tỉnh;
- Công an huyện T;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu HS (ML).

Phạm Thanh Tuấn

